TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày: 21-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLST- HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1995 tại Thành phố Cần Thơ; thường trú: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị K, sinh năm 1975; nơi cư trú: Khu phố A, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố A, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 04/6/2021, T điều khiển xe môtô loại Wave (không nhớ rõ biển số) đi đến nhà nghỉ T tại khu phố A, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương do bà Phạm Thị K làm chủ để thuê phòng. Khi đến nơi, T gặp bà K và được bà K cho thuê phòng số 204 để lưu trú. T nhận chìa khóa phòng và lên phòng ở lại qua đêm với một người tên T (không rõ lai lịch). Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05/6/2021, T và T thức dậy, T ra về trước còn T đi xuống phòng khách của nhà nghỉ để thanh toán tiền phòng. Lúc này, T nhìn thấy tại bàn gỗ đặt ở phòng khách có 01 điện thoại di động hiệu VIVO V1915, 128GB, màu xanh của bà K nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, T đi đến vị trí bàn gỗ ở phòng khách và lấy chiếc điện thoại trên, bấm tắt nguồn rồi cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc. Sau đó, T đi ra khu vực để xe và điều khiển xe mô tô rời khỏi nhà nghỉ rồi đi đến cửa hàng điện thoại H tại khu phố B, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Anh V làm chủ để chạy lại chương trình của điện thoại vừa chiếm đoạt được. Khi đến nơi, T gặp và nói với ông V là điện thoại của T bị lỗi, không mở được mật khẩu nhờ ông V chạy lại chương trình của máy, ông V kiểm tra và báo giá chạy chương trình là 350.000 đồng thì T đồng ý. Sau khi ông V chạy xong chương trình của máy T kêu bán luôn chiếc điện thoại trên với số tiền 1.850.000 đồng thì ông V đồng ý mua. Ông V đưa cho T số tiền 1.500.000 đồng sau khi khấu trừ 350.000 tiền công chạy lại chương trình. T nhận tiền và đưa lại cho ông V 1.200.000 đồng để chuộc lại điện thoại mà T đã cầm trước đó. Sau đó, T đi về và tiêu xài hết số tiền còn lại.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, bà K phát hiện điện thoại VIVO V1915, 128GB, màu xanh để trên bàn ở phòng khách bị mất nên kiểm tra lại camera an ninh thì biết T là người chiếm đoạt điện thoại nhưng bà K không trình báo vụ việc đến Cơ quan Công an. Đến khoảng 23 giờ ngày 08/6/2021, bà K phát hiện T đang đứng gần khu vực cây xăng Phú Lợi thuộc khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên đến Công an phường Uyên Hưng trình báo.

Công an phường Uyên Hưng tiếp nhận tin báo, lập hồ sơ và mời T về trụ sở làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt điện thoại di động của bà K. Công an phường tiến hành tạm giữ: 01 USB ghi lại hình ảnh nội dung diễn biến vụ việc T chiếm đoạt điện thoại của bà K; 01 điện thoại di động hiệu VIVO V1915 (Y19), 128GB, màu xanh.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 94/KLTS-TTHS ngày 29/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Tân Uyên, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu VIVO V1915 (Y19) 128GB, màu xanh đã qua sử dụng, tại thời

điểm chiếm đoạt có giá trị 2.600.000 đồng. Ngày 05/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã trả lại điện thoại này cho bà K, bà K không có yêu cầu nào khác.

Xe mô tô loại Wave (không nhớ rõ biển số), T khai nhận mượn của một người bạn (không rõ lai lịch) để đi công việc, vào ngày 05/6/2021 sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản T đã trả xe mô tô này lại cho bạn.

Ông Nguyễn Anh V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.850.000 đồng, ngày 11/01/2022 bị cáo đã bồi thường số tiền trên cho ông V, ông V không có yêu cầu nào khác.

Bản Cáo trạng số 25/CT-VKS.TU ngày 06/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bà K đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; Ông V đã nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường và không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05/6/2021, tại nhà nghỉ T thuộc khu phố A, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phạm Văn T đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu VIVO V1915 (Y19) 128GB, màu xanh của bà Phạm Thị K. Tại thời điểm bị chiếm đoạt, điện thoại trị giá là 2.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì động cơ tư lợi, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc quản lý rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, lỗi của bị cáo là cố ý trực tiếp. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản không có yêu cầu gì khác; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận được tiền bồi thường không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Loan